

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ “BẢO ĐẢM CAO NHẤT LỢI ÍCH QUỐC GIA - DÂN TỘC” THỜI KỲ ĐỔI MỚI

TS LÊ THỊ HIỀN LƯƠNG

Trưởng Đại học An ninh nhân dân

Tóm tắt: Cùng với quá trình đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991) đến Đại hội XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã dần thể hiện và phát triển nhận thức của mình về “lợi ích quốc gia - dân tộc”, coi đó là “mục tiêu cao nhất” của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Bài viết khái quát quá trình thể hiện, phát triển nhận thức của Đảng về “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc”, đúc rút ý nghĩa định hướng chiến lược, cốt lõi của quan điểm này đối với toàn bộ sự nghiệp đổi mới, đặc biệt là với lĩnh vực quốc phòng - an ninh và đối ngoại.

Từ khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam; lợi ích quốc gia - dân tộc; thời kỳ đổi mới

1 Sau Đại hội VII (1991) của Đảng, cách mạng Việt Nam đứng trước thời cơ và những thách thức mới. Về thách thức, tiếp theo sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô, CNXH thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, phong trào cách mạng, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế gặp khó khăn nghiêm trọng. Chủ nghĩa đế quốc đẩy mạnh chống phá các nước XHCN và các lực lượng cách mạng hòng xóa bỏ CNXH bằng con đường “Diễn biến hòa bình”. Các thế lực phản động ở trong nước và nước ngoài tìm mọi cách chống phá Đảng và chế độ XHCN ở Việt Nam, cố vũ cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Tuy nhiên, tình hình thế giới, khu vực và trong nước cũng có những thuận lợi, thời cơ nhất định, đòi hỏi Đảng phải nhận thức và đề ra được quan điểm chỉ đạo đúng đắn để kịp thời phát huy

và nắm bắt đúng. Đó là việc Việt Nam hoàn toàn độc lập, thống nhất, có chế độ chính trị ổn định, từng trải qua và vững vàng trước nhiều khó khăn, thử thách, huy động và đạt được sự tin nhiệm của nhân dân. Đó còn là nguồn lực lao động dồi dào, tài nguyên thiên nhiên phong phú, vị trí địa lý thuận lợi, các giá trị văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, năng lực phát triển khoa học - công nghệ và đặc biệt là lợi thế của một nước đi sau trong quá trình CNH, HĐH.

Những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, với việc giải quyết hòa bình vấn đề Campuchia (1989), bình thường hóa quan hệ Việt-Trung (1991), nối lại và mở rộng quan hệ với các nước Đông Nam Á và nhiều nước khác vừa tạo ra môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác cho sự phát triển của đất nước, vừa tranh thủ được sự quan tâm và đồng tình rộng rãi trên thế giới đối với

Việt Nam. Uy tín chính trị của quốc gia, thiện cảm mà nhân dân thế giới đã dành cho Việt Nam trong những năm chiến đấu vì độc lập, tự do được khôi phục và phát huy. Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 3 khóa VII (6-1992) “Về phát triển kinh tế đối ngoại trong tình hình mới” khẳng định: “Yếu tố thời gian lúc này hết sức quan trọng, không thể bỏ lỡ”¹.

Từ Đại hội VIII (1996) đến nay, tình hình thế giới và trong nước tiếp tục có những chuyển biến quan trọng với những xu hướng, đặc điểm nổi bật. Trên thế giới, trật tự thế giới đa cực dần hình thành và trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế. Cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra gay gắt; dù vậy, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chi phối. Cách mạng khoa học công nghệ phát triển, đạt nhiều thành tựu “ngoạn mục” và tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng, đặt ra cả thời cơ và thách thức cho tất cả các nước, nhất là các nước đang phát triển như Việt Nam. Nhiều vấn đề toàn cầu nảy sinh đòi hỏi có sự hợp tác đa phương để cùng giải quyết: Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... Khu vực châu Á-Thái Bình Dương giàu tiềm năng và phát triển kinh tế năng động nhất trên thế giới nhưng cũng tiềm ẩn nhân tố gây bất ổn: Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, chủ nghĩa khủng bố, nguy cơ chiến tranh, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, chủ nghĩa dân tộc cực đoan...

Trong nước, sự nghiệp đổi mới đã đem lại “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử”. “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”². Tuy nhiên, về hạn chế, kinh tế - xã hội phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước và còn nhiều khó khăn, thách thức (những nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII, năm 1994 của Đảng xác định vẫn chưa được giải quyết triệt để, có mặt còn gay gắt hơn). Công cuộc đổi mới

tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững theo định hướng XHCN, nhất là việc nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả 10 mối quan hệ lớn mà Đại hội XIII (2021) của Đảng đã xác định, trong đó, mối quan hệ bao trùm là giữa độc lập dân tộc và CNXH, giữa lợi ích quốc gia và lợi ích quốc tế.

Bối cảnh lịch sử nêu trên đòi hỏi Đảng phải đổi mới tư duy về mục tiêu cao nhất của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới.

2 Trước đổi mới, Đảng chưa đề cập đến cụm từ “lợi ích quốc gia - dân tộc” trong hệ thống văn kiện Đảng; mà thường xuyên khẳng định cuộc đấu tranh giai cấp “ai thắng ai” giữa hai phe XHCN và TBCN; chủ trương vì lợi ích của “phe XHCN” và sự thắng lợi của CNXH nói chung. Vấn đề lợi ích quốc gia - dân tộc chân chính chỉ được nhận thức và giải quyết trong mối quan hệ gắn bó khăng khít với lợi ích của “phe XHCN”, phục tùng lợi ích của “phe XHCN”³. Phương thức tập hợp lực lượng của thời kỳ này chủ yếu dựa trên ý thức hệ chính trị và hệ tư tưởng. Đây chính là hạn chế, thiếu sót mà Đại hội VI (12-1986) đã chỉ ra: “...Khuyh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm ấy, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan”⁴...

Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng tuy vẫn chưa sử dụng cụm từ “lợi ích quốc gia - dân tộc” nhưng đã nhận thức được yêu cầu cân coi trọng lợi ích quốc gia - dân tộc chân chính, trên cơ sở nhu cầu, lợi ích quốc gia mà thiết lập và mở rộng quan hệ quốc tế. Đại hội VI của Đảng khẳng định: “Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự

phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghiệp hóa XHCN của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại⁵. Đại hội VII nêu chủ trương đối ngoại: “Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình...”⁶.

Khái niệm “lợi ích quốc gia - dân tộc” lần đầu tiên xuất hiện trong Báo cáo của Bộ Chính trị tại HNTƯ3 khóa VII (6-1992) “Về phát triển kinh tế đối ngoại trong tình hình mới” và được xác định là cơ sở của đường lối đối ngoại mới nói chung, của kinh tế đối ngoại Việt Nam nói riêng: “Kinh tế đối ngoại cũng như mọi mặt hoạt động khác phải *xuất phát từ lợi ích quốc gia dân tộc*, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”⁷.

Đại hội VIII (7-1996) của Đảng đề cập đến “lợi ích quốc gia - dân tộc” khi nêu quan điểm chỉ đạo nắm vững định hướng XHCN trong việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần: “Giữ vững độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ kinh tế với bên ngoài”⁸. Đại hội IX (4-2001) của Đảng xác định “lợi ích quốc gia - dân tộc” là một trong các mục tiêu trọng yếu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc: “Bảo vệ Tổ quốc XHCN là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia - dân tộc”⁹. Đại hội XI (2011) của Đảng thể hiện quan điểm toàn diện, hệ thống của Đảng: “lợi ích quốc gia - dân tộc” và vì “lợi ích quốc gia - dân tộc” là mục tiêu, phương hướng của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là quốc phòng - an ninh và đối

ngoại. Chủ trương đối ngoại được khẳng định là: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia - dân tộc, vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh”¹⁰. Theo đó, “lợi ích quốc gia - dân tộc” chân chính đã thay cho ý thức hệ chính trị và hệ tư tưởng trở thành cơ sở để tập hợp lực lượng, mở rộng và phát triển quan hệ của Việt Nam với thế giới.

Đúc kết kinh nghiệm từ thực tiễn 30 năm đổi mới, Đại hội XII (2016) của Đảng xác định “lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm mục tiêu cao nhất” là 1 trong 5 bài học của cách mạng Việt Nam. Quan điểm này thể hiện sự chuyển biến căn bản, toàn diện tư duy của Đảng về phương cách giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp, độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện Việt Nam và xu thế mới của thời đại. Nội dung cốt lõi thực chất là sự trở lại với tinh thần của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: Ưu tiên, tập trung cho lợi ích dân tộc và mục tiêu độc lập dân tộc, lợi ích giai cấp và cuộc đấu tranh giai cấp phải được giải quyết trong quá trình giải quyết lợi ích dân tộc và phục tùng lợi ích dân tộc. Xuất phát từ lợi ích quốc gia - dân tộc chân chính mà mở rộng, phát triển quan hệ với các nước trên thế giới, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, trên tinh thần: Việt Nam *làm bạn với mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai*¹¹.

Văn kiện Đại hội XIII (2021) của Đảng có 32 lần sử dụng cụm từ “lợi ích quốc gia - dân tộc” gắn liền với làm rõ nội hàm, phương hướng “bám đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” trên tất

cả các lĩnh vực và định hướng chiến lược lâu dài đến năm 2045. Đặc biệt, Đại hội coi “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” là một trong những vấn đề “mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta, là nền tảng vững chắc của Đảng ta, không cho phép ai được ngả nghiêng, dao động”¹².

Từ quá trình thể hiện, phát triển quan điểm về “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc”, có thể khái quát nội dung cơ bản nhận thức của Đảng về vấn đề này như sau:

Một là, “lợi ích quốc gia - dân tộc” là quyền lợi chính đáng của quốc gia - dân tộc Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực, được xác định dựa trên Hiến chương Liên hiệp quốc và luật pháp quốc tế, vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Lần đầu tiên sử dụng khái niệm “lợi ích quốc gia - dân tộc” trong Báo cáo của Bộ Chính trị tại HNTU 3 khóa VII (6-1992), Đảng mới chỉ coi đó là cơ sở để mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tạo nguồn lực đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đến Đại hội VIII và Hội nghị Trung ương VIII khóa IX (2003), “lợi ích quốc gia - dân tộc” trở thành mục tiêu trọng yếu của sự nghiệp quốc phòng - an ninh, gắn bó hữu cơ với mục tiêu bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN và sự nghiệp đổi mới. Từ Đại hội XI đến nay, “lợi ích quốc gia - dân tộc” chân chính dần được Đảng ta khẳng định là mục tiêu, vấn đề mang tính nguyên tắc cần đảm bảo trên tất cả các lĩnh vực và trong cả thời kỳ quá độ lên CNXH. Đồng thời, Đại hội XIII chỉ rõ cơ sở để xác định nội hàm của “lợi ích quốc gia - dân tộc chân chính” là “các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”¹³.

Hai là, “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” thực chất là sự bổ sung, phát triển nội hàm của độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong điều kiện,

hoàn cảnh mới của đất nước và xu thế của thời đại; gắn bó biện chứng với lợi ích của cộng đồng quốc tế.

“Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” trong tư duy của Đảng thời kỳ đổi mới không hề cô lập, tách rời lợi ích của cộng đồng quốc tế (tuân thủ các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và “bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”) và mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Phù hợp với yêu cầu của thực tiễn hiện nay là đất nước đang trong thời kỳ quá độ lên CNXH, cần ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; CNXH trên thế giới đang trong giai đoạn tạm thời thoái trào; chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh “Diễn biến hòa bình” bằng nhiều hình thức, thủ đoạn mới; tình trạng tham nhũng và suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đang diễn ra trong một bộ phận “không nhỏ” cán bộ, đảng viên..., “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” tất yếu trở thành mục tiêu ưu tiên, chi phối mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và CNXH. Theo đó, trong “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” đã bao hàm nội dung giữ vững định hướng XHCN (điển hình là giữ vững định hướng XHCN trong quá trình phát triển kinh tế thị trường ở nước ta); ngược lại, giữ vững định hướng XHCN là vấn đề mang tính nguyên tắc, đảm bảo sự vững mạnh của Đảng, của chế độ XHCN - thành tố trung tâm của toàn bộ sự nghiệp đổi mới.

Ba là, “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” là vấn đề mang tính nguyên tắc, có ý nghĩa sống còn đối với chế độ XHCN, là nền tảng vững chắc của Đảng.

Đây là bài học kinh nghiệm sâu sắc được Đảng đúc rút qua quá trình 35 năm lãnh đạo sự nghiệp đổi mới. Cùng với đổi mới tư duy về mô hình và con

đường quá độ lên CNXH, sự chuyển biến trong nhận thức của Đảng về cơ sở tập hợp lực lượng, mục tiêu của hoạt động đối ngoại - quốc phòng - an ninh, kinh tế... từ dựa trên ý thức hệ chính trị và hệ tư tưởng sang vì “lợi ích quốc gia - dân tộc” chân chính; phát huy động lực chủ yếu của đất nước là sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại thay cho “đấu tranh giai cấp” “ai thắng ai” giữa hai “phe” XHCN và TBCN là nội dung mới cốt lõi, quyết định thành công của quá trình tập hợp, phát huy sức mạnh của các lực lượng cách mạng.

Bốn là, phương hướng “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” là tiếp tục thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, đưa Việt Nam “trở thành một nước phát triển, theo định hướng XHCN”¹⁴ vào giữa thế kỷ XXI.

Thực chất, “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” chính là kết hợp độc lập dân tộc và CNXH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới, nên phương hướng hiện thực hóa nguyên tắc này cũng đồng thời là phương hướng quá độ lên CNXH của cách mạng Việt Nam. Với cách hiểu ấy, “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” có mục tiêu tổng quát là “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; được thực hiện thông qua các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trên các lĩnh vực: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng

suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số. Phát triển các vùng và khu kinh tế. Xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ. Phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa

phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển. Cùng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ

Quan điểm toàn diện, hệ thống của Đảng: “lợi ích quốc gia-dân tộc” và vì “lợi ích quốc gia-dân tộc” là mục tiêu, phương hướng của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ...trên tinh thần lợi ích quốc gia-dân tộc là trên hết ngày càng sáng rõ và kiên định trên cơ sở quan trọng nhất là yêu cầu của thực tiễn đất nước trong thời kỳ đổi mới.

quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình và điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.

3 Ý nghĩa của quan điểm của Đảng về “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay thể hiện ở một số nội dung sau:

Thứ nhất, quan điểm của Đảng về “lợi ích quốc gia - dân tộc” và “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” thể hiện sự “kiên định và vận

dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”¹⁵ trong điều kiện Việt Nam, là cơ sở tạo nên những thắng lợi bước đầu rất đáng ghi nhận của sự nghiệp đổi mới. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Chúng ta đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới... Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹⁶. Đó là kết quả của việc chuyển từ ưu tiên cho lợi ích giai cấp sang ưu tiên cho lợi ích dân tộc; từ coi đấu tranh giai cấp là động lực chủ yếu sang lấy việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân - tập thể và xã hội là động lực chủ yếu để phát triển đất nước; từ chủ trương xuất phát từ “lợi ích quốc gia - dân tộc” chỉ trên lĩnh vực kinh tế sang coi đó là mục tiêu, động lực để phát triển tất cả các lĩnh vực...

Thứ hai, quan điểm này tạo cơ sở để hoạch định mục tiêu, phương hướng quá độ lên CNXH phù hợp yêu cầu của tình hình thực tiễn trong giai đoạn mới trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Thời kỳ trước đổi mới, “lợi ích quốc gia - dân tộc” mới chỉ được xác định là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, là sự ổn định, vững mạnh của chế độ XHCN, của Đảng và lợi ích của nhân dân, theo đó, an ninh quốc gia được thực hiện bằng phương thức đấu tranh vũ trang là phổ biến, nhằm mục tiêu xây dựng thành công CNXH, góp phần vào thắng lợi của “phe XHCN” trên thế giới. Từ sau Đại hội VII (1991), đến nay, đặc biệt là tại Đại hội XIII, “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trở thành mục tiêu, quan điểm chỉ đạo của toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam. Theo đó, nội hàm của an ninh quốc gia còn mở rộng trên tất cả các lĩnh vực

của quá trình phát triển đất nước, phục vụ *ưu tiên* cho quá trình hội nhập, phát triển đất nước. Đó là an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa - tư tưởng, an ninh con người, an ninh lương thực, an ninh môi trường...; được thể hiện ở mọi chiều kích không gian - an ninh trên đất liền, biển, đảo, trên không và trên không gian mạng; trong mọi mặt của đời sống nhân dân (quan điểm xây dựng xã hội “an ninh”, “an toàn” tại Đại hội XIII). Nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia được xác định đến từ bên trong lẫn bên ngoài, trong đó, nghiêm trọng nhất là các nguy cơ xuất phát từ bên trong, điển hình là tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Phương thức bảo vệ an ninh quốc gia chuyển từ chủ yếu là đấu tranh vũ trang sang các ưu tiên hình thức, biện pháp phi vũ trang (các biện pháp kinh tế, ngoại giao, khoa học kỹ thuật, vận động quần chúng...). Như vậy, nội dung xuyên suốt trong quan điểm của Đảng, đối với quốc phòng, an ninh, vấn đề cốt yếu nhất là phải “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” chân chính.

Trên lĩnh vực đối ngoại, mục tiêu cao nhất của đối ngoại Việt Nam được Đảng xác định là “vì lợi ích quốc gia - dân tộc, vì một nước Việt Nam XHCN giàu mạnh”. Quá trình tham gia các cơ chế hợp tác chính trị, an ninh song phương và đa phương phải vì lợi ích quốc gia trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để vận hành có hiệu quả nền kinh tế và thực hiện tốt các cam kết quốc tế cũng phải hướng đến bảo vệ lợi ích quốc gia-dân tộc.

Thứ ba, “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” là căn cứ quan trọng hàng đầu để Đảng tiếp tục dự báo chiến lược phù hợp quy luật vận động, phát triển của thực tiễn, hoàn thiện tư duy

về CNXH và con đường đi lên CNXH của Việt Nam. Trong quá trình hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, độ mở của nền kinh tế lớn trong điều kiện toàn cầu hóa có nhiều biến động khó lường, gây khó khăn cho khả năng phân tích, dự báo, khả năng cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế. Tình hình thế giới nói chung, tình hình Biển Đông nói riêng diễn biến “ngày càng phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến hòa bình, ổn định của khu vực và môi trường đầu tư, phát triển”¹⁷, đòi hỏi Đảng xuất phát và đứng vững trên lập trường “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc”, “Đi bất biến ứng vạn biến” trong dự báo tình hình, xác định các chủ trương, đối sách với từng vấn đề, lĩnh vực của quá trình phát triển, hội nhập, đặc biệt là trong giải quyết tranh chấp chủ quyền biển, đảo, mở rộng hợp tác quốc tế. Điều này đồng nghĩa với giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, độc lập dân tộc và CNXH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “*Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa*”¹⁸. Nhận thức về “lợi ích quốc gia - dân tộc” và tác động, ý nghĩa của quan điểm “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong tình hình mới (1991 đến nay) là một trong những minh chứng sinh động, thuyết phục nhất cho khẳng định nêu trên của Đảng. Vì vậy, tiếp tục phát triển, hiện thực hóa quan điểm “bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc” trở thành yêu cầu tất yếu của quá trình đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào thực tiễn cuộc sống.

1, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2007, T. 52, tr. 129, 132

2, 12, 13, 14, 15, 16, 18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. I, tr. 25, 33, 33, 36, 33, 25, 25

3. Về quá trình chuyển biến nhận thức của Đảng từ vì lợi ích của “phe XHCN” sang “lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết”: Văn kiện Đại hội III của Đảng có 113 lần sử dụng các cụm từ “phe XHCN”, “phe đế quốc chủ nghĩa”, “phe ta”, “phe đế quốc”... để chỉ sự đối đầu gay gắt giữa hai hệ thống chính trị - xã hội, hai ý thức hệ XHCN và TBCN; đồng thời khẳng định: Tăng cường sự đoàn kết nhất trí và thắt chặt quan hệ hợp tác tương trợ anh em giữa các nước trong phe XHCN là điều kiện chủ yếu để bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ thành quả của sự nghiệp xây dựng CNXH và chủ nghĩa cộng sản ở mỗi nước, để các nước trong phe có thể phát triển nhanh chóng về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, cải thiện đời sống của nhân dân. Văn kiện Đại hội IV (12-1976) 16 lần sử dụng các cụm từ “phe ta”, “phe XHCN” và “phe đế quốc” và chủ yếu để lý giải về sự đối đầu không thể tránh khỏi của cách mạng Việt Nam với “chủ nghĩa tư bản đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ”. Đại hội xác định “Phấn đấu hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN trong khoảng 20 năm...”

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2006, T. 47, tr. 895, 689

6. *Sđđ*, T. 51, tr. 52

8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr. 93

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2016, T. 60, tr. 204-205

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 83

11. Xem: *Hồ Chí Minh Toàn tập*, “Trả lời nhà báo Mỹ S.Éli Mâyxi”, năm 1947, Nxb CTQG, H, 2011, T. 5, tr. 255-257

17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQGST, H, 2021, T. II, tr. 88.